

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
CHÀU Á - THẠI BÌNH DƯƠNG**

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG
12 NĂM 2014

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**



MỤC LỤC

Trang

1	1	Mục lục
2 - 4	2	Báo cáo của Tổng Giám đốc
5	3	Báo cáo kết quả công tác soát xét
6 - 9	4	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014
10	5	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
11 - 12	6	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
13 - 37	7	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



BẢO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Châu A – Thái Bình Dương trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu A Thái Bình Dương (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu A – Thái Bình Dương là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013346 ngày 31 tháng 7 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung 10 lần Đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102005769 ngày 01 tháng 11 năm 2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 10: 264.000.000.000 VND

Trụ sở chính
Địa chỉ : Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 043.577 1983
Fax : 043.577 1985

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là :

- Dịch vụ tư vấn trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính);
- Tư vấn, môi giới, kinh doanh Bất động sản (không bao gồm tư vấn về giá đất);
- Tư vấn về quản lý kinh doanh, chiến lược kinh doanh;
- Nghiên cứu, phân tích thị trường;
- Tư vấn mua, bán, sắp nhập doanh nghiệp, cổ phần hóa (không bao gồm tư vấn luật, tài chính)
- Tư vấn lập và quản lý dự án đầu tư (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình, tư vấn pháp luật, tài chính);
- Dịch vụ môi giới xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo, triển lãm;
- Dịch vụ quan hệ công chúng;
- Quảng cáo thương mại và phi thương mại;
- Dịch vụ danh giá hiệu quả kinh tế dự án;
- Dịch vụ cầm đồ;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bảo hiểm;
- Xây dựng dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Lưu hành nội địa, lưu hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch; kinh doanh khách sạn; kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa, vé xe Bus, tour du lịch;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng và theo tuyến cố định;
- Sản xuất mua bán, khai thác, chế biến và vận tải các loại khoáng sản (trừ những loại khoáng sản nhà nước cấm);
- Bóc xúc đất đá và khai thác mỏ (theo quy định của pháp luật hiện hành);

- Xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông, cảng hàng không.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Đầu tư Châu A Thái Bình Dương	Khu Thanh Sơn, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên	Khu Công nghiệp Diêm Thủy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	84%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	30 Lê Lợi, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	55%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Nam	Tầng 3 nhà 205, đường Lê Hoàn, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	99%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tài trợ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 37).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Châu A – Thái Bình Dương khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 06 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu A – Thái Bình Dương trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Chủ tịch	31 tháng 7 năm 2006	
Ông Nguyễn Duy Khanh	Thành viên	31 tháng 7 năm 2006	
Bà Huỳnh Thị Mai Dung	Thành viên	31 tháng 7 năm 2006	
Ông Đặng Anh Tuấn	Thành viên	28 tháng 5 năm 2010	
Ông Trần Vũ Phương	Thành viên	02 tháng 6 năm 2013	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Duy Khanh	Chủ tịch	18 tháng 6 năm 2010	
Bà La Thị Quy	Trưởng ban	18 tháng 6 năm 2010	
Bà Phạm Hoài Phương	Thành viên	18 tháng 6 năm 2010	
Bà Vũ Thị Phương Anh	Thành viên	01 tháng 4 năm 2013	

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Duy Khanh	Chức vụ	15 tháng 6 năm 2007

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã soát xét Bảo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyên vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Bảo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Tông Giám đốc

Tông Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Châu A – Thái Bình Dương chịu trách nhiệm lập Bảo cáo tài chính hợp nhất phân ảnh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Bảo cáo tài chính hợp nhất này, Tông Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Châu A – Thái Bình Dương phải:

✦ Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

✦ Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;

✦ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Bảo cáo tài chính hợp nhất;

✦ Lập Bảo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

✦ Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Bảo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tông Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty Cổ phần Đầu tư Châu A – Thái Bình Dương đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Bảo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phân ảnh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Bảo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tin hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tông Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Châu A – Thái Bình Dương cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Bảo cáo tài chính

Tông Giám đốc phê duyệt Bảo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Bảo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phân ảnh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu A – Thái Bình Dương tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tin hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tông Giám đốc



Nguyễn Duy Khanh
Ngày 28 tháng 8 năm 2014

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2014

Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1708-2013-008-1



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhân xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Dầu từ Châu Á - Thái Bình Dương gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2014, từ trang 06 đến trang 37 kèm theo.

**Kính gửi: CÁC CƠ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU TỪ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**
**BẢO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU TỪ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**

Số: 391/2014/BCTC-KTTV

Headquarters : 2 Trung Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

BAKER TILLY
A&C



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã	Số	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		Thuyết	minh			
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN						
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.069.454.269	6.904.553.830	5.404.553.830
1.	Tiền	111		4.069.454.269	5.404.553.830	1.500.000.000
2.	Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	1.500.000.000	
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	37.485.904.810	52.200.452.300	55.571.216.300
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		39.941.833.810	55.571.216.300	(3.370.764.000)
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(2.455.929.000)		
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.4	88.546.174.837	65.268.240.591	213.477.095
1.	Phải thu khách hàng	131	V.4	213.477.095	213.477.095	25.021.504.204
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	44.803.014.390	40.246.736.387	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	43.743.160.447	40.246.736.387	(213.477.095)
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(213.477.095)		
IV.	Hàng tồn kho	140	V.8	12.083.569.289	10.181.619.207	10.181.619.207
1.	Hàng tồn kho	141		12.083.569.289	10.181.619.207	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	V.9	28.338.336.726	26.470.111.617	1.222.221
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.222.221	1.222.221	3.213.388.436
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.915.166.683	3.213.388.436	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		184.000	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	24.421.763.822	23.255.500.960	-
TOTAL				172.523.439.931	161.024.977.545	161.024.977.545



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THẠI BÌNH DƯƠNG
 Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã	số	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		Thuyết	số	số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN						
I. Các khoản phải thu dài hạn						
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	210	-	-	-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212	-	-	-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-	-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	-	-	-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-	-	-
II. Tài sản cố định		220			271.785.679,934	234.240.283,735
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	904.063,822	1.014.650,188	1.941.980,650
	Nguyên giá	222		1.941.980,650	(1.037.916,828)	(927.330,462)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-	-
	Nguyên giá	225		-	-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226	V.13	-	-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		52.888,000	52.888,000	(52.888,000)
	Nguyên giá	228		52.888,000	52.888,000	(52.888,000)
	Giá trị hao mòn lũy kế	229	V.14	(52.888,000)	(52.888,000)	(52.888,000)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		270.881,616,112	233.225,633,547	233.225,633,547
III. Bất động sản đầu tư						
	Nguyên giá	241		-	-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		103.523,955,385	105.185,165,218	
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	61.173,371,607	64.850,765,218	40.334,400,000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	42.350,583,778	40.334,400,000	40.334,400,000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-	-
V. Tài sản dài hạn khác		260		5.335,212,937	4.909,181,139	
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	1.007,356,937	581,325,139	581,325,139
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.17	4.327,856,000	4.327,856,000	4.327,856,000
VI. Lợi thế thương mại						
		269		-	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN						
		270		553.168.288,187	505.359,607,637	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THẠI BÌNH DƯƠNG
 Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Ma	Số	Số	Số
		Thuyết	minh	cuối kỳ	dầu năm
		số	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ					
I. Nợ ngắn hạn					
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	20.498.125.891	9.500.000.000
2.	Phải trả người bán	312	V.19	101.468.180.075	79.728.775.908
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.20	6.091.181.250	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	375.011.426	281.737.705
5.	Phải trả người lao động	315		367.778.343	240.194.026
6.	Chi phí phải trả	316	V.22	79.853.091	79.266.910
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	96.808.520.066	89.445.658.705
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quý khen thương, phúc lợi	323	V.24	29.353.382	73.621.382
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn					
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.25	52.886.902.500	48.142.402.500
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quý phải triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU					
I. Vốn chủ sở hữu					
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		264.000.000.000	264.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		48.496.600.000	48.496.600.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quý đầu tư phát triển	417		1.268.874.614	1.268.874.614
8.	Quý dự phòng tài chính	418		24.751.612	24.751.612
9.	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(39.246.845.270)	(35.932.275.725)
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quý hồ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác					
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ					
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN					
440				<u>553.168.288.187</u>	<u>505.359.607.637</u>
439				20.001.207	10.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THẠI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Thuyết minh
Số cuối kỳ
Số đầu năm

CHỈ TIÊU

1. Tài sản thuê ngoài
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhân kỹ gửi, kỹ cược
4. Nợ khó đòi đã xử lý
5. Ngoại tệ các loại:
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án

-
-
-
-
-
-

Người lập biên

Nguyễn Hoài Giang

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Giang

Nguyễn Duy Khanh



Tổng Giám đốc

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU A - THẠI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

Ma Thuyết số minh năm nay Năm trước

CHI TIẾT

CHI TIẾT	Ma Thuyết số	minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.169.863.727	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.169.863.727	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.694.838.354	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	(524.974.627)	-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.696.556.087	5.033.720.517
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	920.325.978	(1.672.566.700)
Trong đó: chi phí lãi vay	23	-	505.778.488	-
8. Chi phí bán hàng	24	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	3.237.774.500	2.111.378.118
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(1.986.519.018)	4.594.909.099	14.064.030
11. Thu nhập khác	31	VI.6	334.791.143	14.064.030
12. Chi phí khác	32	-	625	-
13. Lợi nhuận khác	40	-	334.790.518	14.064.030
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	(1.661.209.833)	-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(3.312.938.333)	4.608.973.129	(181.131.548)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	1.630.005	(181.131.548)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(3.314.568.338)	4.790.104.677	-
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	-	1.207	-
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62	(3.314.569.545)	4.790.104.677	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(126)	181

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2014

Tổng Giám đốc

Nguyễn Duy Khanh



Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Giang

Người lập biểu

Nguyễn Hoài Giang

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Lấy kê từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHI TIẾT
 Mã Thuyết số minh
 Năm nay Năm trước

I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

1. Lợi nhuận trước thuế	01	(3.312.938.333)	4.608.973.129
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	110.586.366	126.217.351
- Các khoản dự phòng	03	(914.835.000)	(1.672.566.700)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.522.692.613)	(5.020.272.683)
- Chi phí tài trợ	06	505.778.488	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(5.134.101.092)	(1.957.648.903)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(22.681.869.929)	(11.038.211.686)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.901.950.082)	(170.945.921)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	37.143.271.817	24.306.663.899
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(426.031.798)	(264.759.257)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(506.664.044)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(57.915.436)	(183.193)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4.744.500.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(295.366.582)	(1.009.900.000)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20	10.883.872.854	9.865.014.939

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(39.138.600.919)	(1.726.702.671)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	22.300.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(791.696.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	(0)	4.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	621.502.613	3.658.755.427
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(22.717.098.306)	5.640.356.756

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THẠI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Mã Thuyết số minh năm nay năm trước

CHI TIẾT

III. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động tài chính

1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	20.498.125.891	-
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.500.000.000)	-
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.998.125.891	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(835.099.561)	15.505.371.695
	Tiền và tương đương đầu năm	60	6.904.553.830	39.410.911.320
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6.069.454.269	54.916.283.015

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2014

Tổng Giám đốc

Nguyễn Duy Khanh



Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Giang

Người lập biểu

Nguyễn Hoài Giang

HÀNG
VĂN
HỌ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU A – THẠI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảo cảo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu A – Thái Bình Dương 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Bảo cảo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu A - Thái Bình Dương (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ

: Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

: Tư vấn, đầu tư

3. Ngành nghề kinh doanh

: Đầu tư, kinh doanh bất động sản.

4. Tổng số các công ty con

:

04

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất:

04

Số lượng các công ty con không được hợp nhất:

0

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty

Địa chỉ trụ sở chính

Tỷ lệ (thực góp)

Tỷ lệ quyền lợi ích (theo cam kết)

Khu Thanh Sơn, phường Vũ Thái Bình Dương - Bắc Ninh

100%

100%

Công ty TNHH Đầu tư Châu A - Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Thái Bình Dương - Bắc Ninh

100%

84%

Nguyen 30 Lê Lợi, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

99,93%

55%

Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Hoàn, phường Quang Trung, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

100%

99%

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phân ánh trong Bảo cảo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty

Địa chỉ trụ sở chính

Tỷ lệ phần

Tỷ lệ quyền sở hữu biểu quyết

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc tế & Phát triển doanh nghiệp IDJ Tower, 117 Trần Duy Hưng, Tầng 16, Tòa nhà Charmvit Cầu Giấy, Hà Nội

20,01%

20,01%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU A – THẠI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA MIỀN ĐÔNG

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Danh sách các công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Lý do
Công ty Cổ phần Khoảnh Tò 14, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang		Công ty đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư, chưa có báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2014 và đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 tỷ lệ sở hữu đã bị giảm, khoản đầu tư này đã được phân loại sang đầu tư dài hạn khác
Trường Đại học Tư thục Đông Nam Á	Hòa Bình	Trường đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư, chưa có báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2014
Công ty TNHH Liên Bang Hưng Thọ, Hưng Trà, Thừa Thiên Huế		Công ty đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư, chưa có báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2014

8. Nhân viên
Tài ngày 30 tháng 06 năm 2014 Tập đoàn có 36 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 37 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Bảng Đông Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Châu A – Thái Bình Dương đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng
Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng

soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.
Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua, phân chia vốn của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tăng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thể thương mại. Nếu giá trị hợp nhất kinh doanh của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thể thương mại. Nếu giá trị hợp nhất kinh doanh của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thể thương mại. Nếu giá trị hợp nhất kinh doanh của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thể thương mại. Nếu giá trị hợp nhất kinh doanh của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thể thương mại.

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá trị hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp nhất theo phương pháp mua. Giá trị hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp nhất theo phương pháp mua. Giá trị hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp nhất theo phương pháp mua. Giá trị hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp nhất theo phương pháp mua.

3. Hợp nhất kinh doanh

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mức riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi có đồng thiểu số có nghĩa vụ tăng bù đắp và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Loại bỏ trừ khi chi phí tài trợ nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.
Sổ dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tài trợ nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thông nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc bán cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi danh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.
Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

đang kê kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn từ hồi hoặc đảo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền xác định một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ qua hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU A – THẠI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu qua hạn thanh toán: Đối với nợ phải thu qua hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu qua hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu qua hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu qua hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu qua hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa qua hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tồn thất để lập dự phòng.

9.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Phong tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	6

10.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

11.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (tên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mức dich định trước hoặc ban thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

12.

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán mua bán trên thị trường và có giá trị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá trị trường thấp hơn căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU A – THẠI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là gia đồng cửa tài ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) là gia giao dịch bình quân trên hệ thống tài ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là gia trung bình trên cơ sở gia giao dịch do tôi thiếu của 3 công ty chứng khoán công bố tài ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là gia trị số sách tài ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong chương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tài tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tài tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thu nhập và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí quản lý trong giai đoạn đầu tư

Chi phí quản lý trong giai đoạn đầu tư bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập dự án đầu tư, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoàn thành.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

14. Chi phí phải trả,

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phải trả và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tài phát hành và giá trị số sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tài phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp
Chỉ phí thuế thu nhập doanh nghiệp, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển...

18. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Có tức và lợi nhuận được chia

Có tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận có tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng có tức nhận bằng có phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán có định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán có định hoặc có thể xác định và không được niếm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận mua và dừng ghi nhận theo giá gốc công các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phần bù được xác định ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, công hoặc trừ các khoản phần bù lấy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đảo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phần bù của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phần bù thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hạn, nếu cần thiết, trừ về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng to được hưởng lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22.

Bảo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU A – THAI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
 BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	
Tiền mặt	2.938.048,549
Tiền gửi ngân hàng	1.131.405.720
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	2.000.000.000
Cộng	6.069.454.269
Số đầu năm	6.904.553.830

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	10.771.222.000	15.583.022.000
Chứng khoán niêm yết	93.350	2.987.200.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu A - Thái Bình Dương	155	1.030.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	80	1.472.000
Công ty Cổ phần Hà Nội Milk	-	343.700
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	-	4.811.800.000
Chứng khoán chưa niêm yết	100.000	1.130.000.000
Công ty Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Hải Phòng	94.500	4.533.025.000
Công ty Cổ phần Thép Đình Vũ	17.199	701.190.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu FOODINCO	41.325	413.250.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	101	4.105.000
Công ty Cổ phần Len Hà Đông	28.455	999.950.000
Đầu tư ngắn hạn khác	29.170.611.810	39.988.194.300
Tiền ủy thác đầu tư	9.170.611.810	11.288.194.300
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng	20.000.000.000	28.700.000.000
Cộng	39.941.833.810	55.571.216.300

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngân hàng như sau:

Kỳ này	Số đầu năm	Số cuối kỳ
(3.370.764.000)	-	914.835.000
(2.455.929.000)		
Số đầu năm	110.000.000	103.477.095
213.477.095		
4. Phải thu khách hàng		
	110.000.000	103.477.095
	110.000.000	213.477.095
5. Trả trước cho người bán		
	8.310.186.208	8.310.186.208
	2.598.750.000	2.598.750.000
	900.000.000	900.000.000
	-	-
	510.000.000	510.000.000
	415.000.000	-
	390.000.000	390.000.000
	240.843.000	240.843.000
	703.031.448	885.991.448
	-	998.999.990
	4.166.886.560	4.166.886.560
	3.306.000.000	6.748.651.680
	38.528.888	8.446.496.488
	-	6.135.226.000
	2.771.372.530	4.470.983.016
25.021.504.204	44.803.014.390	44.803.014.390
6. Các khoản phải thu khác		
	88.156.944	-
	38.625.778.362	42.268.028.362
	678.500.000	678.500.000
	386.000.000	386.000.000
	468.301.081	410.632.085
40.246.736.387	43.743.160.447	43.743.160.447

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
Dự phòng nợ phải thu qua thanh toán	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(213.477.095)	(213.477.095)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(213.477.095)	(213.477.095)
Cộng	(213.477.095)	(213.477.095)
Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:		
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(213.477.095)	(213.477.095)
8. Hàng tồn kho		
La chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-
Chi phí thuê văn phòng	1.222.221	1.222.221
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.222.221	1.222.221
Cộng	1.222.221	1.222.221
9. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	-	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.222.221	1.222.221
Cộng	1.222.221	1.222.221
10. Tài sản ngắn hạn khác		
Tạm ứng	23.060.665.240	22.145.500.960
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.361.098.582	1.110.000.000
Cộng	24.421.763.822	23.255.500.960

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG
 Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Số đầu năm	Tàng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1.537.360,605	404.620,045	-	-	1.537.360,605
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn	764.358,504	162.971,958	33.718,336	927.330,462
Số đầu năm	76.868,030	33.718,336	-	110.586,366
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	764.358,504	196.690,294	1.037,916,828	
Giá trị còn lại	773.002,101	241.648,087	1.014,650,188	
Số đầu năm	773.002,101			
Số cuối kỳ	773.002,101	207,929,751	904,063,822	
Trong đó:				
Tâm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

12. Tàng, giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
52.888,000	52.888,000	-
Số đầu năm	-	-
Tàng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	52.888,000	-
Phần mềm máy tính		
Số đầu năm	52.888,000	-
Tàng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	52.888,000	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số đầu năm	Khu công nghiệp Đa Hội	
			Trung tâm thương mại Thái Nguyên	Trung tâm cấp Văn Phú
131.974.125,015	40.000.000	131.934.125,015	37.761.891,149	788.346.290
-	-	-	98.945.000	-
-	-	-	37.761.891,149	788.346.290
-	-	-	788.346.290	-
(1.482.618.354)	-	6.703.499,345	214.775.612	5.435.656,603
-	-	47.073.052,773	38.577.590,454	-
-	-	85.650.643,227	-	-
-	-	-	Thụy	-
-	-	4.642.676,471	4.642.676,471	4.647.176,471
-	-	1.128.806,976	-	-
-	-	1.128.806,976	-	-
-	-	-	1.091.408,041	1.091.408,041
-	-	-	Dự án nhà	-
-	-	-	máy sản xuất	-
-	-	-	đa granit	-
-	-	-	Dự án đô thị	-
-	-	682.862,379	682.862,379	885.652,232
-	-	202.789,853	202.789,853	-
-	-	-	green life-An	-
-	-	-	Dương Vương	-
-	-	-	Các dự án	-
-	-	1.418.965,108	1.418.965,108	-
-	-	-	khác	-
-	-	233.225.633,547	39.138.600,919	270.881.616,112

(*)Phần loại tiền thuê đất và quỹ lương ban quản lý chợ Tam Đa sang ghi nhận giá vốn trong kỳ

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Số cuối kỳ	Số đầu năm	Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương (a)	
		Số lượng	Giá trị
-	-	-	2.016.183,778
57.500	575.000.000	57.500	575.000.000
-	-	-	340.000.000
61.173.371,607	61.919,581,440	60.258,371,607	61.919,581,440

Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương (a)
 Trường Đại học Tư thục Đông Nam Á (b)
 Công ty TNHH Liên Bang (c)
 Công ty Cổ phần Dầu tư Tài chính Quốc tế & Phát triển doanh nghiệp IDJ (d)
 Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương (a)
 Trường Đại học Tư thục Đông Nam Á (b)
 Công ty TNHH Liên Bang (c)
 Công ty Cổ phần Dầu tư Tài chính Quốc tế & Phát triển doanh nghiệp IDJ (d)

64.850.765,218

61.173.371,607

Số đầu năm
 Số lượng
 Giá trị

Số cuối kỳ

Số lượng

Giá trị

Giá trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU A – THẠI BÌNH DƯƠNG
 Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
 BẢO CẢO TẠI CHỖ NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (a) Xem thuyết minh số 15 - Đầu tư dài hạn khác
- (b) Công ty Cổ phần Đầu tư Châu A – Thái Bình Dương góp vốn vào Trường Đại học tư thục Đông Nam A với tỷ lệ phần sở hữu là 23%.
- (c) Khoản góp vốn liên doanh thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 47/2010/HĐHTKD ngày 10 tháng 10 năm 2010. Giữa Công ty Cổ phần APEC Land Huế và Công ty TNHH Liên Bàng. Giá trị vốn góp của mỗi bên: 2.580.000.000 VND. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đang trong giai đoạn đầu tư, xây dựng.
- (d) Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tài các công ty liên kết như sau:
- | | |
|----------------------------|-----------------------|
| Giá trị mua khoản đầu tư | 27.789.390.000 |
| Bất lợi thường mại khi mua | 34.130.191.440 |
| Phần lỗ trong kỳ | (1.661.209.833) |
| Số cuối kỳ | 60.258.371.607 |

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	42.350.583.778	40.334.400.000
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Hà Nội	602.970	602.970
Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu A Thái Bình Dương	201.618	-
Cộng	42.350.583.778	40.334.400.000

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:
 Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu A Thái Bình Dương đã được phân loại từ khoản đầu tư Công ty liên kết sang do giảm tỷ lệ sở hữu xuống dưới 20%.

16. Chi phí trả trước dài hạn

Là khoản chi phí trước hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên

	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Số đầu năm	581.325.139	426.031.798
Chi phí phát sinh trong kỳ	426.031.798	-
Kết chuyển giảm khác	-	-
Số cuối kỳ	1.007.356.937	1.007.356.937

17. Tài sản dài hạn khác

La các khoản kỳ quy, kỳ cước dài hạn

	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Vay ngân hàng	9.500.000.000	9.500.000.000
Chi phí phát sinh trong kỳ	9.500.000.000	-
Kết chuyển giảm khác	-	-
Số cuối kỳ	1.007.356.937	1.007.356.937

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Vay ngân hàng	9.500.000.000	20.498.125.891
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - VP	9.500.000.000	9.500.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội	2.500.000.000	2.500.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	2.000.000.000	6.498.125.891
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	6.498.125.891	20.498.125.891
Cộng	20.498.125.891	20.498.125.891

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Số đầu năm	Số sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	9.500.000.000	20.498.125.891	(9.500.000.000)	20.498.125.891
Vay ngắn hạn tổ chức	-	-	-	-
Cộng	9.500.000.000	20.498.125.891	(9.500.000.000)	20.498.125.891

19. Phải trả cho người bán

	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Ban Giải phóng mặt bằng thị xã Từ Sơn	51.941.525.595	51.941.525.595
Văn phòng đang kí quyền sử dụng đất Huyện Phú Bình	22.800.398.405	22.800.398.405
Dự án KCN Diêm Thủy	22.101.763.908	22.101.763.908
Dự án Khu dân cư số 5, P. Túc Duyên	1.446.657.185	1.446.657.185
Ban GPMB huyện Phò Yên	1.080.600.000	1.080.600.000
Dự án Xây dựng Khu tái định cư KCN Diêm Thủy	624.241.169	624.241.169
Trung tâm quý phát triển Bắc Ninh	878.917.440	878.917.440
Các đối tượng khác	594.076.373	594.076.373
Cộng	101.468.180.075	101.468.180.075
	79.728.775.908	79.728.775.908

20. Người mua trả tiền trước

Là khoản ứng trước Công ty TNHH Young Jin Hi - Tech Việt Nam

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.963.296	1.630.005	(57.915.436)	8.677.865
Thuế thu nhập cá nhân	216.774.409	152.606.902	(3.231.750)	366.149.561
Tiền thuế đất	-	212.220.000	(212.220.000)	-
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.000.000	(13.000.000)	-
Cộng	281.737.705	388.456.907	(295.367.186)	374.827.426

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10 %.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU A – THẠI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

Lấy kê từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay		Năm trước	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.312.938.333)	4.608.973.129	5.010.000
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	433.354.500	5.010.000	5.010.000
Các khoản điều chỉnh tăng	-	5.010.000	5.010.000
Thu lao HĐQT không trực tiếp điều hành	424.600.000	-	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	57.128.000	5.010.000	5.010.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(48.373.500)	-	-
Có tức nhận được	(48.373.500)	-	-
Thu nhập chịu thuế	(2.879.583.833)	4.613.983.129	4.613.983.129
Lô các năm trước được chuyển	-	(4.613.983.129)	-
Trong đó:	(2.887.733.858)	-	-
Thu nhập tính thuế Công ty mẹ	(2.887.733.858)	8.150.025	-
Thu nhập tính thuế các công ty con	8.150.025	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty mẹ	22%	25%	25%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp các Công ty con	20%	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.630.005	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	(181.131.548)	(181.131.548)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.630.005	(181.131.548)	(181.131.548)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Chi phí phải trả

La chi phí trích trước tiền thuê văn phòng.

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngân hàng khác

Số cuối kỳ	Số đầu năm
88.848.517	71.955.749
73.310.309.180	73.310.309.180
-	114.350.000
9.087.675.819	7.133.671.819
901.000.000	901.000.000
6.975.391.000	500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THẠI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

		Số cuối kỳ	Số đầu năm
24. Quý khen thưởng, phúc lợi	Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:	Số đầu năm	Năm nay
		Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-
	Chi quỹ trong kỳ	(44.268.000)	73.621.382
	Số cuối kỳ	29.353.382	29.353.382
25. Phải trả dài hạn khác	Kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn	Số đầu năm	Năm nay
		Phải trả Công ty TNHH Young Jim Hi - Tech Việt Nam về tiền thuê đất	2.436.472.500
	Phải trả Bà Lý Linh Phương về tiền góp vốn mua nhà	2.880.000.000	2.880.000.000
	Các khoản phải trả khác	1.128.823.050	2.097.899.457
	Cộng	96.808.520.066	89.445.658.705
25. Phải trả dài hạn khác	Kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		Phải trả Công ty TNHH Young Jim Hi - Tech Việt Nam về tiền thuê đất	52.731.046.500
	Phải trả Công ty Cổ phần An Phát Land	52.731.046.500	47.986.546.500
	- Khoản dài cọc tiền thuê văn phòng của Công ty TNHH Công nghệ Thông tin Blitz Việt Nam	155.856.000	155.856.000
	Cộng	52.886.902.500	48.142.402.500

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước
1.816.171.790	1.340.874.154
76.868.030	92.499.015
22.817.000	6.151.302
176.774.955	131.379.313
1.145.142.725	540.474.334
3.237.774.500	2.111.378.118

Chi phí cho nhân viên
 Chi phí khấu hao tài sản cố định
 Thuế, phí và lệ phí
 Chi phí dịch vụ mua ngoài
 Chi phí bằng tiền khác

6. Thu nhập khác

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước
309.815.883	-
14.117.260	-
10.858.000	14.064.030
334.791.143	14.064.030

Thu từ cho thuê lại văn phòng
 Thu tiền điện, nước của đơn vị thuê văn phòng
 Thu nhập khác

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước
(3.314.569.545)	4.790.104.677
-	-
(3.314.569.545)	4.790.104.677
26.400.000	26.400.000
(126)	181

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp
 Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phần bỏ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu thông thường
 Lợi nhuận phần bỏ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu thông thường
 Cổ phiếu thông thường đang lưu hành bình quân trong kỳ
Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Cổ phiếu thông thường đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước
26.400.000	26.400.000
-	-
-	-
26.400.000	26.400.000

Cổ phiếu thông thường đang lưu hành đầu năm
 Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại
 Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ
Cổ phiếu thông thường đang lưu hành bình quân trong kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÀI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**26. Vốn chủ sở hữu*****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Số đầu năm trước	Số đầu năm trước	Số dư cuối năm trước	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				Cộng
				Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	
Số đầu năm trước	264.000.000.000	48.496.600.000	1.268.874.614	24.751.612	(81.339.493.603)	232.450.732.623		
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	45.947.469.619	45.947.469.619		
Giảm khác	-	-	-	-	(540.251.741)	(540.251.741)		
Số dư cuối năm trước	264.000.000.000	48.496.600.000	1.268.874.614	24.751.612	(35.932.275.725)	277.857.950.501		
Số dư đầu năm nay	264.000.000.000	48.496.600.000	1.268.874.614	24.751.612	(35.932.275.725)	277.857.950.501		
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	(3.314.569.545)	(3.314.569.545)		
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	(39.246.845.270)	274.543.380.956		
Số dư cuối kỳ	264.000.000.000	48.496.600.000	1.268.874.614	24.751.612	(39.246.845.270)	274.543.380.956		

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp	
VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	39.799.220.000	39.799.220.000	15,08%
Ông Nguyễn Duy Khanh	5.000.000.000	5.000.000.000	1,89%
Các cổ đông khác	219.200.780.000	219.200.780.000	83,03%
Cộng	264.000.000.000	264.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU A – THAI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận
Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là đầu tư chứng khoán và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan
Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng
Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có rủi ro tín dụng cao. Các khoản phải thu khách hàng đều phải trích lập dự phòng.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian qua hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ	6.069.454.269	-	-	-	6.069.454.269
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.782.550.000	-	-	-	7.782.550.000
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	20.000.000.000	-	-	-	20.000.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	49.432.115.029	-	-	-	49.432.115.029
Các khoản phải thu khác	42.350.583.778	-	-	-	42.350.583.778
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	125.634.703.076	-	-	-	125.634.703.076
Số đầu năm	6.904.553.830	-	-	-	6.904.553.830
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.782.550.000	-	-	-	7.782.550.000
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	28.700.000.000	-	-	-	28.700.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	45.684.592.387	-	-	-	45.684.592.387
Các khoản phải thu khác	40.334.400.000	-	-	-	40.334.400.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	129.406.096.217	-	-	-	129.406.096.217
Cộng	137.420.045.312	-	-	-	137.420.045.312
Cộng	3.202.149.095	-	-	-	3.202.149.095
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	128.836.852.171	-	-	-	128.836.852.171
Các khoản phải thu khác	42.350.583.778	-	-	-	42.350.583.778
Phải thu khách hàng	49.432.115.029	-	-	-	49.432.115.029
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	213.477.095	-	-	-	213.477.095
Các khoản phải thu khác	20.000.000.000	-	-	-	20.000.000.000
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7.782.550.000	-	-	-	7.782.550.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.069.454.269	-	-	-	6.069.454.269
Cộng	10.771.222.000	-	-	-	10.771.222.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.800.472.000	-	-	-	7.800.472.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	28.700.000.000	-	-	-	28.700.000.000
Phải thu khách hàng	213.477.095	-	-	-	213.477.095
Các khoản phải thu khác	40.334.400.000	-	-	-	40.334.400.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	137.420.045.312	-	-	-	137.420.045.312

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tại chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	20.498.125.891	-	-	20.498.125.891
Phải trả người bán	101.468.180.075	-	-	101.468.180.075
Các khoản phải trả khác	96.799.524.640	52.886.902.500	-	149.686.427.140
Cộng	218.765.830.606	52.886.902.500	-	271.652.733.106
Số đầu năm				
Vay và nợ	9.500.000.000	-	-	9.500.000.000
Phải trả người bán	79.728.775.908	-	-	79.728.775.908
Các khoản phải trả khác	89.452.969.866	48.142.402.500	-	137.595.372.366
Cộng	178.681.745.774	48.142.402.500	-	226.824.148.274

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đảo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn là rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các danh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giả định rằng mức thay đổi của giá chứng khoán để phân tích độ nhạy được dựa trên việc danh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Công ty đang đầu tư tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ tăng/giảm 332.228.100 VND (năm trước tăng/giảm 245.537.595 VND) do tăng dự phòng. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của giá chứng khoán năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn thế chấp 3 khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn để đảm bảo cho khoản vay của ngân hàng Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – VPBank Chương Dương (xem thuyết minh số V.19). Giá trị số sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 10.000.000.000 VND (tài ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 0 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.069.454.269	-
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10.771.222.000	(2.455.929.000)
Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	20.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	213.477.095	(213.477.095)
Các khoản cho vay	-	-
Các khoản phải thu khác	49.432.115.029	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	42.350.583.778	-
Cộng	128.836.852.171	(2.669.406.095)
Giá gốc	6.904.553.830	-
Dự phòng	-	-
Giá trị ghi sổ	6.904.553.830	-
Số cuối năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	20.498.125.891	9.500.000.000
Phải trả người bán	101.468.180.075	79.728.775.908
Các khoản phải trả khác	149.686.427.140	137.595.372.366
Cộng	271.652.733.106	226.824.148.274
Giá trị ghi sổ	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả được phân ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị số sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có năm hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn

sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố.
Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thực các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

5.

Thông tin khác

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Hà Nội. Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Hà Nội.

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2014

Người lập biên

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoài Giang

Nguyễn Hoài Giang

Nguyễn Duy Khanh

